TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09-5-2024
V/v ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn D.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Đình P.

2. Bà Huỳnh Thị Tuyết M.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Hoài T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trường V – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 246/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị N** – Sinh năm: 1974; nơi cư trú: Thôn C, xã S, huyện A, tỉnh B (có mặt).

Bị đơn: Anh **Trương Văn Đ** – Sinh năm: 1974; nơi cư trú: Thôn C, xã S, huyện A, tỉnh B (vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 9 năm 2023 và các lời khai, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Hồ Thị N yêu cầu:

1.1. Về hôn nhân: Chị Hồ Thị N và anh Trương Văn Đ có tìm hiểu và đi đến hôn nhân với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện A, tỉnh B vào ngày 14 tháng 5 năm 1996. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ

chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh Đ không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Đ thường xuyên đánh đập chị nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, vì thường con nên chị nhịn anh Đ để đến khi con trưởng thành, hơn nữa chị để cho anh Đ thay đổi nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Đỉnh điểm của mâu thuẫn từ đầu tháng 9 năm 2023, chị và anh Trương Văn Đ không sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn Đ.

1.2. Về con chung của vợ chồng: Chị Hồ Thị N và anh Trương Văn Đ có hai con đã trưởng thành có công việc ổn định nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Hồ Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Trương Văn Đ, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý cũng như các thông báo hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh Trương Văn Đ cố tình lẩn tránh từ chối khai báo.

Bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tại phiên tòa hôm nay đã nêu rõ trình tự thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử đúng theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Hồ Thị N được ly hôn với anh Trương Văn Đ.

Về con chung: Chị Hồ Thị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị Hồ Thị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí HNST: Chị Hồ Thị N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trương Văn Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Đen vẫn cố tình vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Trương Văn Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị N và anh Trương Văn Đ có tìm hiểu và đi đến hôn nhân với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện A, tỉnh B vào ngày 14 tháng 5 năm 1996. Hôn nhân của chị N và anh Đ là hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N và anh Đ không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đỉnh điểm của mâu thuẫn từ đầu tháng 9 năm 2023, chị N và anh Đ không sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay và cũng từ đó, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Chị Hồ Thị N làm đơn khởi kiện ly hôn gửi đến Tòa án. Quá trình Tòa giải quyết, anh Trương Văn Đ cố tình lẩn tránh, tại phiên tòa hôm nay anh Đ cũng cố tình lẩn tránh nên Hội đồng xét xử không biết được nguyện vọng của anh Đ. Tòa xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Hồ Thị N và anh Trương Văn Đ đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị N là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Hồ Thị N không yêu cầu, anh Trương Văn Đ cố tình lẩn tránh nên Hội đồng xét xử không biết được nguyện vọng của anh Đen, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị Hồ Thị N không yêu cầu, anh Trương Văn Đ cố tình lẩn tránh không ý kiến, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí HNST: Chị Hồ Thị N phải chịu theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B phát biểu quan điểm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Hồ Thị

N được ly hôn với anh Trương Văn Đ.

2. Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí HNST: Chị Hồ Thị N phải chịu 300.000[đ] sung ngân sách Nhà nước, chị N đã nộp tạm ứng án phí khởi kiện 300.000[đ] theo biên lai thu tiền số 0006622 ngày 14/11/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện A nay được khấu trừ.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã S, huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Văn D